



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM

FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM (Two Copies)

IV.# _____

VEWL.# _____

I-171: Y N

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM

nguyen
Last

Tân
Middle

Lực
First

Current Address: 1/21 Ngo Quyen P.12 quan5 HOCHIMINH City

Date of Birth: Oct.17.1934

Place of Birth: Cholon

Previous Occupation (before 1975) Major
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP

Dates: From June 15.1975 To 14.9.1987

Years: 12 Months: 3 Days: _____

3. SPONSOR'S NAME:

Name

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone Number

Relationship

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : NGUYEN TAN LUC
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
HUYNH THI LAI		Mother
NGUYEN NGOC OANH		Wife
NGUYEN TAN PHAT		Son
NGUYEN THI KIM CHI		Daughter
NGUYEN THI PHUONG LOAN		Daughter
NGUYEN THI PHUONG THANH		Daughter

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

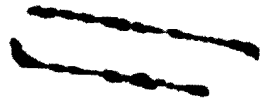
6. ADDITIONAL INFORMATION :

11

Form: Nguyen Thi Ngoc



OCT 28 1988 TO: FAMILIES OF Viet namese
POLITICAL PRISONERS ASSOC
PO BOX 5435
ARINGTON, VA 22205-0635



I. QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS

Date: 29 Feb 1988

1. Basic identification data

1. Name: NGUYỄN TÂN LỰC

2. Other name: NO

3. Date place of birth: 17.10.1934 Chợ Lớn

4. Residence address: 1/21 Ngô Quyền Street Phường 12 Quận 5
Hố Chí Minh City

5. Mailing address: //

6. Current occupation: Cameraman motion picture

8. Relatives to accompany me

	Name	DOB	POB	Sex	MS	Relationship
1	Huỳnh thị Lai	15.5.1915	Thị trấn	Fem.	Widowed	Mother
2	Nguyễn Ngọc Oanh	11.8.1936	Bến Tre	Fem.	Married	Wife
3	Nguyễn Tân Phát	15.10.1959	Saigon	Male	Single	Son
4	Nguyễn thị Kim Chi	25.12.1960	"	Fem.	"	Daughter
5	Nguyễn thị Phương Loan	28.03.1963	"	"	"	"
6	Nguyễn thị Phương Thanh	6.2.1974	"	"	"	"

c. Complete family listing

Name	Address
1) father: Nguyễn Văn Dũng	Deceased
2) Mother: Huỳnh thị Lai	1/21 Ngô Quyền Phường 12 Quận 5
3) Spouse: Nguyễn Tân Lực	Thành phố Hồ Chí Minh
4) Spouse: Nguyễn Ngọc Oanh	
5) children: Nguyễn Tân Phát	
Nguyễn thị Kim Chi	
Nguyễn thị Phương Loan	
Nguyễn thị Phương Thanh	

D. Service with A.R.V.N. Army

- 1. 10.1953 engaged into school academy military Vietnam
- 1953 1975 (30/4/1975) to serve in the A.R.V.N. with many different units

E. Reeducation of you

- 1. Name of person in reeducation: Nguyễn Tân Lực
- 2. Total time in reeducation: 12 Years 3 Months
- 3. Still in reeducation: No

F. please list here all documents attached to this questionnaire

- 1. Release certificate
- 2. Marriage contract
- 3. Birth certificates of children

date 29 Feb 1988

Signature:

Nguyễn Tân Lực

To the director of
orderly Departure office
131 SOI TIEN SING
South Sathorn Road
Bangkok 10120 THAILAND.

2) American embassy
ODP program Department
APO San Francisco 96346
USA

SUBJECT: Application and Affidavit for refugee to the USA

DEAR SIR

I undersigned: NGUYỄN TÂN LỰC

Date and place of birth: 17 10 1934 Cholon

Nationality: VIETNAM Family Status: Married with 4 children

Sex: Masculin

Home address: 1/21 Ngô Quyền Phường 12 Quận 5

Education: Bachelor Before April 30, 1975. Thành phố Hồ Chí Minh

Rank: Major S/N: 54/109.577

Occupation: Deputy chief Staff psychological Warfare

Unit: 3rd Center Recruitment and to join army

After April 30, 1975

Camps from:

Released from camp: Xuân Phước (Phước Khôn)

Due the difficulty of my situation and base on the authority of your organization and the spirit of humanitarian act, I wish to request your assistance and intervention with the Government Socialist Vietnam, in order that I and my family may be authorized to leave Vietnam under your arrangement and protection under the ODP program and to immigrate to the USA for the purpose of seeking a new life.

Following are my relatives to be evacuated with me to the USA

Full name	Date and place. O.B.	Sex	Relationship	Address
Huỳnh thị Lai	15.5.1915 Hiệp Hòa	Fem.	Mother	1/21 Ngô Quyền
Nguyễn Ngọc Công	1.8.1936 Bến Tre	"	Wife	street 1
Nguyễn Tân Phát	15.10.1959 Saigon	Male	Son	Phường 12 Quận 5
Nguyễn thị Kim Chi	25.12.1960 "	Fem.	Daughter	77 Hồ Chí Minh
Nguyễn thị Phương Loan	28.03.1963 "	"	"	"
Nguyễn thị Phương Thanh	6.02.1974 "	"	"	"

Your consideration on the above to help me through your humanitarian act will be highly appreciated.

Hochmink City, Feb. 22, 1988

Nguyễn Tân Lực

I. QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS

Date : 29 Feb 1988

1. Basic identification data

- 1. Name NGUYỄN TÂN LỰC
- 2. Other name NO
- 3. Date place of birth. 17.10.1934. Chợ Lớn.
- 4. Residence address. 1/21 Ngô Quyền Street Phường 12, Quận 5
Hồ Chí Minh City
- 5. Mailing address "
- 6. Current occupation Cameraman motion picture

2. Relatives to accompany me

	Name	DOB	POB	Sex	MS	Relationship
1	Huỳnh thị Lai	15.5.1915	Thập Hả	Fem.	Widowed	Mother
2	Nguyễn Ngọc Oanh	11.8.1936	Bến Tre	Fem.	Married	Wife
3	Nguyễn Tân Phát	15.10.1959	Saigon	Male	Single	Son
4	Nguyễn thị Kim Chi	25.12.1960	"	Fem.	"	Daughter
5	Nguyễn thị Phương Loan	28.03.1963	"	"	"	"
6	Nguyễn thị Phương Thanh	6.2.1974	"	"	"	"

3. Complete family listing

Name	Address
1) Father: Nguyễn Văn Dũng	Deceased
2) Mother: Huỳnh thị Lai	1/21 Ngô Quyền Phường 12, Quận 5
3) Spouse: Nguyễn Tân Lực	Thành phố Hồ Chí Minh
4) Spouse: Nguyễn Ngọc Oanh	
5) Children: Nguyễn Tân Phát Nguyễn thị Kim Chi Nguyễn thị Phương Loan Nguyễn thị Phương Thanh	

4. Service - with A.R.V.N. list you

1. 10.1953 engaged into Baat academy military Vietnam
promotion 10
1953 1975 (30/4/1975) to serve in the A.R.V.N. with many different units

5. Reeducation of you

- 1. Name of person in reeducation: Nguyễn Tân Lực
- 2. Total time in Reeducation: 12 Years 3 Months
- 3. Still in Reeducation: No

6. please list here all documents attached to this questionnaire

- 1. Release certificate
 - 2. Marriage contract
 - 3. Birth certificates of children
- } Fian này liên lạc với Hương báo nó đưa.
Nếu không có cho biết để gọi thêm bố mẹ

Date 29 Feb 1988
Signature:


NGUYỄN TÂN LỰC

BỘ NỘI VỤ
Trại quân pháp
Số 52 GRT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Mẫu số 001-QLTG, ban hành theo công văn số 2563 ngày 27 tháng 11 năm 1972

0	0	2	7	8	0	0	0	0	0
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---

SHSLD

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ;

Thi hành án văn, quyết định tha số 10/QĐ ngày 10 tháng 09 năm 1987

của BỘ NỘI VỤ

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh NGUYỄN TẤN LỰC

Sinh năm 19 24

Các tên gọi khác

Nơi sinh

Sài Gòn

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt

1/21, Ngô Quyền, Quận 5, TP: Hồ Chí Minh

Can tội Thiếu tá, trộm bán kỹ thuật điện ảnh

Bị bắt ngày

13/06/1975

An phạt

03 năm TGT

Theo quyết định, án văn số

ngày

tháng

năm

của

Đã bị täng án 03 lần, cộng thành 09 năm tháng

Đã được giảm án lần, cộng thành năm tháng

Nay về cư trú tại 1/21, Ngô Quyền, Quận 5, TP: Hồ Chí Minh

Nhận xét quá trình cải tạo

- Xác định được tội lỗi, chịu sự cải tạo, lao động có cố gắng, đảm bảo ngày công, học tập và chấp hành nội quy được, ít sai phạm, xếp loại cải tạo khá.

- Được chấp thuận quyền địa phương tiếp tục theo dõi, giúp đỡ, tạo điều kiện cho đương sự làm ăn sinh sống, mau trở thành người công dân lương thiện.

Đương sự phải trình diện tại UBND Phường, xã:

Trước ngày 30 tháng 09 năm 19 87

Lấn tay ngón tay phải

Của NGUYỄN TẤN LỰC

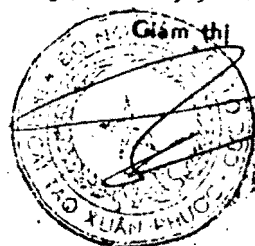
Danh bìn số 6912

Lập tại Trại quân pháp

Họ tên, chữ ký
người được cấp giấy

luc

Ngày 11 tháng 9 năm 19 87



Nguyễn Tấn Lực

NGUYỄN VĂN BẢNG

To the director of
orderly Departure office
131 SOI TIEN SING
South Sathorn Road
Bangkok 10120 THAILAND.

2) American embassy
ODP program Department
APO San Francisco 96346
USA

SUBJECT: Application and Affidavit for refugee to the USA

DEAR SIR

I undersigned: NGUYỄN TÂN LỰC

Date and place of birth: 17 10 1934 Cholon

Nationality VIETNAM Family Status Married with 4 children

Sex Masculine Home address: 1/21 Ngõ Suyen PHƯỜNG 12 QUẬN 5

Education: Bachelor Before April 30, 1975. Thành phố Hồ Chí Minh

Rank: Major S/N: 54/109.577

Occupation: Deputy chief Staff psychological Warfare

Unit: 3rd Center Recruitment and to join army

After April 30, 1975

Camps from:

Released from camp: Xuân Phước (phước ninh)

Due the difficulty of my situation and base on the authority of your organization and the spirit of humanitarian act.

Wish to request your assistance and intervention with the Government

Socialiste Vietnam; in order that I and my family may be

authorized to leave Vietnam under your arrangement and protection under the ODP program and to immigrate to the USA for the purpose of seeking a new life.

Following are my relatives to be evacuated with me to the USA

Full name	Date and place OB.	Sex	Relationship	Address
Huỳnh thị Lợi	15.5.1915 Hiệp Hòa	Fem.	Mother	1/21 Ngõ Suyen
Nguyễn ngọc Công	1.8.1936 Bến Tre	"	Wife	street 1
Nguyễn tân phát	15.10.1959 Saigon	Masc.	Son	PHƯỜNG 12
Nguyễn thị Kim chi	25.12.1960 "	Fem.	Daughter	QUẬN 5
Nguyễn thị phương Loan	28.03.1963 "	"	"	TP Hồ Chí Minh
Nguyễn thị phương Thanh	6.02.1974 "	"	"	"

Your consideration on the above to help me through your humanitarian act will be highly appreciated.

Hoch Minh City Feb. 29, 1988

Nguyễn Tân Lực

WINDSOR, SEPT. 20th 1988

Thính gửi:

HỘI GIA ĐÌNH TỰ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM.

Thưa Quý Hội,

Tôi là con của Ông NGUYỄN TẤN LỘC, người đứng
đầu xin tỵ nạn tại Mỹ, từ VIỆT NAM.

Vì ở Canada, nên Tôi không được biết nhiều.
Nhưng qua báo chí gần đây, Tôi mới được biết đến
Hội đang đứng ra giúp thủ tục cho Cựu Tự Nhân tại
Việt Nam được tỵ nạn tại Mỹ.

T Leo hỏi: "Chị" dẫn trên báo chí. Tôi đã
sao 1 bản gửi tên: ODP.

AMERICAN AMBASSY

BOX 58 A.P.O.

SAN FRANCISCO, 946348-0001

Và 2 bản gửi tên Quý Hội.

Xin Quý Hội lên danh sách và giúp đỡ cho
anh Tôi, còn đang bị kẹt tại VN.

Và nên Quý Hội thấy cần phải bỏ túi thêm
hồ sơ, xin Quý Hội vui lòng cho Tôi được biết, để
có thể Tôi hỏi lại anh Tôi và gửi tên Quý Hội
ngay.

Xin Thấu thật cảm ơn Quý Hội thật nhiều và
cảm ơn Quý Hội hoạt động nhiều kết quả tốt đẹp.

Thân,



NGUYỄN THANH ĐỨC

1119 ISABELLE PL.

WINDSOR, ONTARIO N8S 3B3
CANADA.

BỘ NỘI VỤ
Trại Quốc gia
Số 52. CRT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Mẫu số 001-QLTG, ban hành theo công văn số 2305 ngày 27 tháng 11 năm 1972

0	0	2	7	8	0	0	0	0	2
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---

SHSLD

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ;

Thi hành án văn, quyết định tha số 10/QĐ ngày 10 tháng 08 năm 1987

của BỘ NỘI VỤ

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh NGUYỄN TẤN LỰC

Sinh năm 19 24

Các tên gọi khác

Nơi sinh Sài Gòn

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt

1/21, Ngô Quyền, Quận 5, Tp: Hồ Chí Minh

Cán tội Thiển tá, trước ban kỷ thuật điện ảnh

Bị bắt ngày 15/06/1975 An phạt 03 năm TGT

Theo quyết định, án văn số ngày tháng năm của

Đã bị tăng án 03 lần, cộng thành 09 năm tháng

Đã được giảm án lần, cộng thành năm tháng

Nay về cư trú tại 1/21, Ngô Quyền, Quận 5, Tp: Hồ Chí Minh

Nhận xét quá trình cải tạo

- Đã định được tội lỗi, chấp sự cải tạo, lao động có cố gắng, đảm bảo ngày công, học tập và chấp hành nội quy được, ít sai phạm, chấp hành cải tạo khá.

- Đã phải chấp hành quyền địa phương tiếp tục theo dõi, giúp đỡ, tạo điều kiện cho đương sự làm ăn sinh sống, mau trở thành người công dân lương thiện.

Đương sự phải trình diện tại UBND Phường, xã:

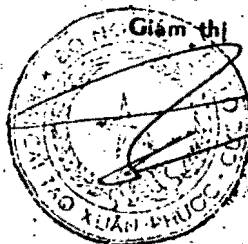
Trước ngày 30 tháng 09 năm 1987

Lần tay ngón trở phải
Của NGUYỄN TẤN LỰC
Danh bìn số 6912
Lập tại Trại Quân pháp

Họ tên, chữ ký
người được cấp giấy

lực

Ngày 10 tháng 9 năm 1987



Nguyễn Tấn Lực

NGUYỄN VĂN BẮNG

NGUYỄN THANH ĐỨC

WINDSOR, ONT.

WINDSOR, ONT.

100% POSTAGE

CANADA



Kính gửi:

HỘI GIA ĐÌNH TỰ NHÂN CHÍNH TRỊ VN

P.O. BOX 5435

SEP 28 1988 ARLINGTON VA 22205-0635
USA



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635

TELEPHONE: _____

IV#: _____

VEWL#: _____

I-171#: Y NO

EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM NGUYEN TAN LUC
Last Middle First

Current Address: 1/21 Ngo. Quyen. Q5. Hoehiminh city

Date of Birth: 10-07-1934 Place of Birth: Saigon

Previous Occupation (before 1975) Major & ARVN
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 06-15-75 To 09-14-1987
Years: 12 Months: 03 Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: NGUYEN THI NGOC
Name

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) :

(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
HUYNH THI LAI	15-15-1915	mother
NGUYEN NGOC OANH	08-01-1936	wife
NGUYEN TAN PHAT	10-15-1959	son
NGUYEN THI KIM CHI	12-25-1960	daughter
NGUYEN THI PHUONG LOAN	03-28-1963	daughter
NGUYEN THI PHUONG THANH	02-06-1974	daughter

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :



NATIONAL OFFICE

MIGRATION AND REFUGEE SERVICES

1312 MASSACHUSETTS AVENUE, N.W. • WASHINGTON, D.C. 20005

ORDERLY DEPARTURE PROGRAM (VIETNAM)

ODP IV # _____
(if known)CATHOLIC CHARITIES OF
SAN FRANCISCO COUNTY
1049 Market Street, 2nd Floor
San Francisco, CA 94103AFFIDAVIT OF RELATIONSHIP

DIOCESE OF

SECTION I

Your Name: Mr/Ms NGUYEN THI NGOC Phone: (Home) _____
Family Middle Given (Work) _____

Your Address: _____
Number Street County/City State Zip Code

Date of Birth: MAR 26, 1946 Place of Birth: SAIGON Nationality: VIET-NAM

Date of Entry to U.S.: FEB 10, 1987 From: (country/camp) P.R.P.C

My Alien Registration Number: (if applicable) A-27 848 212

Legal Status: Parolee _____ Permanent Resident ☒ U.S. Citizen _____

My Naturalization Certificate Number: (if applicable) _____

SECTION II

I am filing the Affidavit for the following relatives still in Vietnam to come the United States under the Orderly Departure Program (ODP).

A copy of my _____ I-94 (both sides) _____ I-151 or _____ I-551 (Permanent Resident Card) is attached.

I have filed an I-130 (Immigrant Visa Petition) for each of my relative(s) prior to submitting the Affidavit _____ yes ☒ no. If yes, date submitted: _____ and date approved: _____.

NAME	DATE/PLACE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO YOU	ADDRESS IN VIETNAM
------	---------------------	---------------------	--------------------

If you are filing this affidavit for persons in Vietnam who are eligible for ODP as former U.S. employees; persons closely associated with U.S. efforts prior to 1975; political prisoner; or Amerasian, please complete the information in Section III and IV.

SECTION III

The following are persons in Vietnam known to me and who may be eligible to enter the U.S. as a former U.S. government employee or close associate to the U.S.; political prisoner; Asian-American:

Name of Principal Applicant	Date/Place of Birth	Relation (if any)	Address in Vietnam
NGUYEN TAN LUC	OCT 17, 1934 SAIGON VIETNAM	FRIEND	1/2 NGO-QUYEN Q.5 H.C.M CITY VIETNAM

U.S. GOVERNMENT EMPLOYEE:DESCRIPTION OF PAST ASSOCIATION (of applicant)

U.S. Government Agency _____ Last Title/Grade _____
Name/Position of Supervisor _____ / _____

EMPLOYEE OF AMERICAN COMPANY OR ORGANIZATION:

U.S. Company, Contractor, Agency, Organization or Foundation _____
Last Title/Grade: _____ / Name/Position of Supervisor _____ /

EMPLOYEE OF VIETNAMESE GOVERNMENT (prior to 1975):

Ministry or Military Unit 3RD CENTER RECRUITMENT AND TO JOINT ARMY Last Title/Grade MAJOR
Name/Position of Supervisor NGUYEN VAN CAN / LIEUTENANT COLONEL

FORMER ASSOCIATE OF U.S. AND INTERNED IN RE-EDUCATION CAMP:

Was time spent in re-education camp? Yes ☒ No ☐ Date: from JUNE 15, 1975 to SEPT 14, 1987

FORMER STUDENT IN U.S. OR ABROAD UNDER U.S. GOVERNMENT SPONSORSHIP:

School _____ Location _____
Type of Degree or Certificate _____
Date of Employment or Training: from _____ to _____
(month/year) (month/year)

ASIAN-AMERICANS: Single _____ Married _____ Male _____ Female _____
Full Name of the Mother: _____ Address: _____
Full Name of the U.S. Citizen Father (if known): _____
His Current address: _____

SECTION IV

NAMES OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO P.A.
<u>HUYNH THI LAI</u>	<u>MAY 15, 1915 HIEP HOA</u>	<u>MOTHER</u>
<u>NGUYEN NGOC DANH</u>	<u>AUG 1ST, 1936 BEN TRE</u>	<u>WIFE</u>
<u>NGUYEN TAN PHAT</u>	<u>OCT 15, 1959 SAIGON</u>	<u>SON</u>
<u>NGUYEN THI KIM CHI</u>	<u>DEC 25, 1960 SAIGON</u>	<u>DAUGHTER</u>
<u>NGUYEN THI PHUONG LOAN</u>	<u>MAR 28, 1963 SAIGON</u>	<u>DAUGHTER</u>
ADDITIONAL INFORMATION:		
<u>NGUYEN THI PHUONG THANH</u>	<u>FEB 6, 1974 SAIGON</u>	<u>DAUGHTER</u>

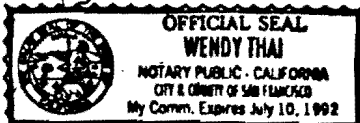
I swear that the above information is true to the best of my knowledge.

Your Signature _____

Subscribed and sworn to before me this 16th day of 9, 1988

Wendy Thai
Signature of Notary Public

My Commission Expires: July 10, 1992



Lính gửi: Hội Gia Đình Cựu Tự Nhân CSVN
Tại HOA-KỲ

Lính Thừa quý Hội,

Ông tên là: Nguyễn Tấn LỰC. Sinh ngày 17.10.1934 Saigon

Cấp bậc: Cựu Thiếu Tá, Hồ quân: 54/109.677.

Chức vụ: Trưởng Khối CTCT.

Đơn vị: Trung tâm 3 Tuyển mộ Nhập ngũ.

Ngày bị bắt: 15.6.1975.

Ngày ra trại: 14.9.1987.

Các trại đã qua: Trại Long Giao (Xuân Lộc), Biên Hòa, Nông trường Chế Tân Phú (Yên Bái), CT3 (Nghe Tinh), Z30D Hàm Tân (Thuận Hải) và Xuân Phước (Phước Khánh).

Tên Cha: Nguyễn Văn DỪNG (Chết)

Tên Mẹ: Huỳnh Thị LẠI (Sống), Sinh 15.5.1915.

Cần teng kính xin quý Hội vui lòng giúp đỡ tôi theo mục đích của quý Hội đã đề ra: Ông đi cải tạo gần 12 năm. Ra trại đòi ông qua cả cực khổ khăn. Do đó xin quý Hội can thiệp với Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ qua VP/ODP Ban KoK Thái Lan. Cho tôi vào danh sách Tự Chấn tại bang định cư tại Hoa Kỳ theo Chương trình ODP mà Hải Chấn Phú Hoa Kỳ và Việt Nam đã thỏa thuận.

Chia thiết xin quý Hội can thiệp cho tôi được ghi tên vào danh sách Tự Chấn tại và cấp cho một cái LOI.

Những người đi theo tôi:

Họ và Tên	Ngày và Nơi Sinh	Giới	Liên hệ	Địa chỉ
Huỳnh Thị Lại	15.5.1915 Hiệp Hòa	Nữ	Mẹ ruột	1/21 Ngõ Quyển. Q.5
Nguyễn Ngọc Danh	1.8.1936 Bến Tre	-st-	vợ	Saigon-
Nguyễn Tấn Phát	15.10.1959 Saigon	Nam	Con trai	- st -
Nguyễn Thị Kim Chi	25.12.1960 - st -	Nữ	Con gái	- st -
Nguyễn Thị Phường Lan	28.08.1963 - st -	-st-	- st -	- st -
Nguyễn Thị Phường Thanh	6.02.1974 - st -	-st-	- st -	- st -

Địa chỉ liên lạc thủ tử tại Việt Nam: 1/21 Ngõ Quyển. Q.5 Saigon

Danh Kèm:

- 01 bản Dao Giấy ra Trại.
- 01 bản Dao Hồ Thủ
- 07 Khai danh của mỗi người.
- 05 bản Dao Căn Cứ
- 01 bản Dao Hồ Khẩu
- 01 quyết định ra Hải Nguyễn Thị Phường Lan.

Chánh Kính xin quý Hội và Cháu quý Hội thanh
tất teng nhiệm vụ!

Ngày 20.6.1988

Nguyễn Tấn LỰC.

ANB 6. IV. 79

BỘ NỘI VỤ
Trại Quân phước
Số 52 GRI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Học tập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 001-QLTG, ban hành theo công văn số 2563 ngày 27 tháng 11 năm 1972

0	0	3	7		0	0	2	9	2
---	---	---	---	--	---	---	---	---	---

SHSLD

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ;

Thi hành án văn, quyết định tha số 10/20 ngày 10 tháng 08 năm 1987

của BỘ NỘI VỤ

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh NGUYỄN TẤN LỰC Sinh năm 1934

Các tên gọi khác

Nơi sinh Sài Gòn

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt

1/21, NGÔ Quyền, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

Cán tội Thiếu tá, trich ban kỹ thuật điện ảnh

Bị bắt ngày 15/06/1975 Án phạt 03 năm TCT

Theo quyết định, án văn số ngày tháng năm của

Đã bị tăng án 03 lần, cộng thành 09 năm tháng

Đã được giảm án lần, cộng thành năm tháng

Nay về cư trú tại 1/21, Ngô Quyền, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

Nhận xét quá trình cải tạo

- Xác định được tội lỗi, chịu sự chỉ đạo, lao động có công, đảm bảo ngày công, học tập và chấp hành nội quy được, ít sai phạm, xếp loại cải tạo khá.

- Về nghị chính quyền địa phương tiếp tục theo dõi, giúp đỡ, tạo điều kiện cho đương sự làm ăn sinh sống, mau trở thành người công dân lương thiện.

Đương sự phải trình diện tại UBND Phường, xã: Quận 5

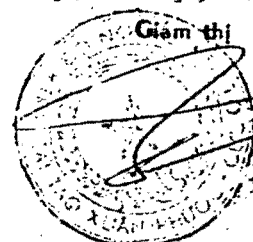
Trước ngày 30 tháng 09 năm 1987

Lên tay ngôn ngữ phát
Của NGUYỄN TẤN LỰC
Danh bìn số 6912
Lập tại Trại Quân pháp

Họ tên, chữ ký
người được cấp giấy

luc

Ngày 11 tháng 9 năm 1987

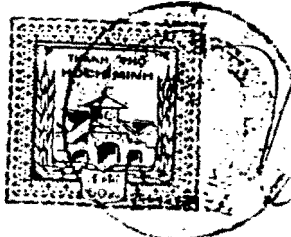


NGUYỄN VĂN BANG

Số 186154/88

CHÍNH NHÂN
QUỐC TÀI CHÍNH
KHOA TÀI CHÍNH ĐÓNG P.12

Ngày 29 tháng 2 năm 1988
TÀI NGUYÊN PHƯƠNG 12/05
HỘI VIÊN THỦ KÝ



Trần Thị Lưu

A. Basic Identification data:

1. Name: NGUYEN-THI-THU
2. Other name: None
3. Date/ place of birth: 17-10-1944 Saigon
4. Residence or res: 1/21 Ngã-Tuyên Q.6 Ho-Chi-Minh City
5. Address: ditto
6. Current occupation: Audio (motion picture)

B. Relatives to Accompany me.

No.	Name	Date of birth	Place of birth	Sex	Age	Relationship
1	NGUYEN-THI-THU	17-10-1944	Saigon	F	39	Mother
2	NGUYEN-THI-THU	1-1-1948	Ben-Tro	F	35	Life
3	NGUYEN-THI-THU	18-10-1944	Saigon	M	39	Son
4	NGUYEN-THI-THU	1-1-1948	-	F	35	Daughter
5	NGUYEN-THI-THU	18-10-1944	-	M	39	-
6	NGUYEN-THI-THU	18-10-1944	-	M	39	-

C. Relatives outside Vietnam.

1. Closest relative in the U.S. None
2. Closest relative in other Foreign Countries None

D. Complete family listing (living/dead).

1. Father: NGUYEN-VAN-DUNG
2. Mother: NGUYEN-THI-THU (1919, Hiep-Hoa) 1/21 Ngã-Tuyên Q.6 Ho-Chi-Minh
3. Spouse: NGUYEN-THI-THU (1948, Ben-Tro)
4. Former spouse (if any) None
5. Children:
 - (1) NGUYEN-THI-THU (19-10-1944) 1/21 Ngã-Tuyên Q.6 Ho-Chi-Minh
 - (2) NGUYEN-THI-THU (1-1-1948)
 - (3) NGUYEN-THI-THU (18-10-1944)
 - (4) NGUYEN-THI-THU (1-1-1948)

6. Sibling: None

E. Employment by U.S. Government Agency or Other U.S. organisations of your spouse.

None

F. Service with GVN or RVNLF by you or your spouse

1. Name of person serving: NGUYEN-THI-THU
2. Date from: 1-1-1962 To: 10-1-1975
3. Last rank: Major Serial number: 54/109.677
4. Ministry, title, Military unit: 1st. Center Recruitment and to joint army.
5. Last if supervisor /1st. Lieutenant-Major Nguyễn-Văn-Cam
6. Reason for leaving: Saigon was liberated (30-4-75)
7. Name of American Advisor: None
8. U.S. Training course in Vietnam: None
9. U.S. Awards or certificate: None

G. Training outside Vietnam of you or your spouse.

1. Name of student/ Trainee: NGUYEN-THI-THU
- School and school address: Intelligence School, Camp Murphy Philippines
2. Dates from August 1962 to Sept, 1968
3. Description of courses: Psy-Lar
4. Who paid for training? USG

(Notes: Please attach copies of diplomas or order, if available)

Available? Yes No. NO

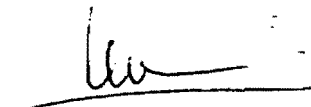
H. Re-education of you or your spouse.

1. Name of person in reeducation: NGUYEN-THI-THU
2. Total time in reeducation: 12 years and 3 months
3. Will it reeducation? Yes, No, M

4. (If released, we must have a copy of your release certificate)

I. Any additional remark?

I request you give me I.O.I, I.V. and to go to U.S.

Signature: 

Date: April 15 1968

6. Please list here all documents to this questionnaire

Documents:

- 1- questionnaire
- photocopy release certificate.
- marriage certificate
- 7 birth certificates for everyone



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV # _____
VEWL.# _____
I-171 : _____ Yes, ☒ No

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM Nguyễn Tân Lúc
Last Middle First

Current Address 1/21 Ngõ Nguyễn, Quận 5, T.p. HCM

Date of Birth 10/17/1934 Place of Birth Saigon

Previous Occupation (before 1975) Major
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates : From 06/15/75 To 09/14/87

3. SPONSOR'S NAME: F.V.P.P.A.
Name

See above
Address & Telephone

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

Date Prepared: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : Nguyễn Tấn Lực
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
Nguyễn Thị Lợi	05-15-1915	Mother
Nguyễn Ngọc Oanh	08-01-1936	Wife
Nguyễn Tấn Phát	10-15-1959	Son
Nguyễn Thị Kim Chi	12-25-1960	daughter
Nguyễn Thị Phương Loan	03-28-1963	"
Nguyễn Thị Phương Thanh	02-06-1974	"

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

Same as above

6. ADDITIONAL INFORMATION :

Augen 18/6 -

Chị Thơ-Thôn,

Đón gởi chị hai hươp hạp của 2 anh bạn, nhờ chị
chuyển cần thiệp gắm dưới timbre của VFPPA của chị.

- 1 - Nguyễn Văn Lộc, thư k. ra hai 9/9/87
- 2 - Nguyễn Văn Hữu, thư k. ra hai 12/2/88

Đón cảm ơn chị ..

- 2 thư gởi 1 hươp như 2 địa chỉ.
- K. biết địa chỉ ở Canada b. h. h. Almonst
với M^{ss} Trudy có đượ K. nhận ở địa chỉ. Chị
xét nhận gởi đi sau này từ đó anh em liên lạc, việc ổn
mà vừa qua nhảm.

Trghua

Higon 18/6 -

Chị Thơ Thân,

Đến giờ chị hai tuổi hợp với 2 anh bạn, như chị
chuyển cần thiệp gửi đến timbre với VFPPA với chị.

- 1 - Nguyễn Văn Lộc, Thư kí ra hoạt 9/9/87
- 2 - Nguyễn Văn Hữu, Trung úy, ra hoạt 12/2/88

Đến cảm ơn chị.

- 2 thư gửi 1 biệt như 2 địa chỉ.
- Kỵ biết địa chỉ ở Canada 6446 Almonst
với M^{rs} Trishy có được lý nên đi đến giờ. Chị
xét nhận gửi đi sau này từ cho anh em liên lạc, việc ổn
mà vừa quá nhanh.

Thưa

ANB. 6. 10. 87

BỘ NỘI VỤ
Trại Quân pháp
Số 52. GRI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Mẫu số 001-QLTG, ban hành theo công văn số 2363 ngày 27 tháng 11 năm 1972

0	0	0	7	9	0	0	2	0	2
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---

SHSLD

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ;

Thi hành án văn, quyết định tha số 10/QĐ ngày 10 tháng 08 năm 1987

của BỘ NỘI VỤ

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh NGUYỄN TẤN LỰC Sinh năm 19 34

Các tên gọi khác

Nơi sinh Sài Gòn

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt

1/21, Ngô Quyền, Quận 5, TP: Hồ Chí Minh

Can tội Thiếu tá, trước ban kỹ thuật điện ảnh

Bị bắt ngày 15/06/1975 Án phạt 03 năm TGT

Theo quyết định, án văn số ngày tháng năm của



Đã bị tăng án 03 lần, cộng thành 09 năm tháng

Đã được giảm án lần, cộng thành năm tháng

Nay về cư trú tại 1/21, Ngô Quyền, Quận 5, TP: Hồ Chí Minh

Nhận xét quá trình cải tạo

- Tác định được tội lỗi, chịu sự cải tạo, lao động có cố gắng, đảm bảo ngày công, học tập và chấp hành nội quy được, ít sai phạm, xếp loại cải tạo khá.

- Về nghị chính quyền địa phương tiếp tục theo dõi, giúp đỡ, tạo điều kiện cho đương sự làm ăn sinh sống, mau trở thành người công dân lương thiện.

Đương sự phải trình diện tại UBND Phường, xã: Quận 5

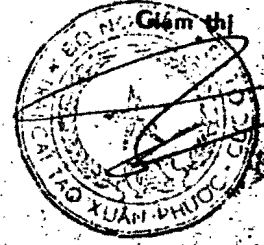
Trước ngày 30 tháng 09 năm 19 87

Lên tay ngón tay phải
Của NGUYỄN TẤN LỰC
Danh bìn số 6912
Lập tại Trại quân pháp

Họ tên, chữ ký
người được cấp giấy

Lực

Ngày 14 tháng 9 năm 19 87



Nguyễn Tấn Lực

NGUYỄN VĂN B

CHI MINH CITY

Date: April 13, 1978

To: ORDERLY DEPARTURE OFFICE
131 Soi-Tien-Sang
South Cathorn Road
BANGKOK 12 THAILAND

9/87

Subject: Application for the resettlement as refugees in the U.S. under condition required by Orderly Departure Program.

Gentlemen,

I Undersigned: NGUYEN-TAN-LYC
Date and place of birth: 17-11-1930 Saigon.
Nationality: Vietnam
Family status: married with children.
Home address: 1/21 Ngô-Quyên P. 5 B. Hồ-Chí-Minh.
Before April 1975
Ministry or military unit: 3rd Center Recruitment and to join an
Rank: AFSA Serial number: 1/15.777
Occupation: Chief Section of OL. AN
After April 1975
Camp from: Long-Giao (Long-Phước) to Tân-Tray, P. 5 B. Hồ-Chí-Minh
P. 5 B. Tân-Tray and Xuân-Thước (Thủ-Thước)
Released from camp: Xuân-Thước (Thủ-Thước). 14-1-1977.

Due to the difficulty of my situation and based on the authority of your competence through the spirit of humanitarian act.

I wish to request your kind intervention with the Government of Socialist Republic Vietnam, in order that my family and I may be authorized to leave Vietnam under your arrangement and protection in our resettlement as refugees covering by the U.S. Government sponsorship.

Following are my dependent relatives wishing to accompany me.

No :	NAME IN VIETNAM	Date of birth	Place of birth	Sex	Relationship
1 :	NGUYEN-TAN-LYC	17-11-1930	Hồ-Chí-Minh	male	other
2 :	NGUYEN-THU-CHIEU	1-1-1956	Bến-Trai	-	life
3 :	NGUYEN-THU-CHIEU	17-11-1930	Saigon	male	son
4 :	NGUYEN-THU-CHIEU	17-11-1930	-	female	daughter
5 :	NGUYEN-THU-CHIEU	17-11-1930	-	-	-
6 :	NGUYEN-THU-CHIEU	17-11-1930	-	-	-

RELATIVES OUTSIDE VIETNAM.

A. Closest relative in the U.S. of no. None

B. Relative in other foreign countries of no. None

version of the U.S. Government.

My war course in August 1975, Camp Thuy Thuan.

U.S. awards and decoration. None

Have you submitted the application for family reunification until now. None.

Comment. None Remark. None

The document attached to this questionnaire.

Photocopy of release certificate.

Your approval to grant voluntary efforts instigating the efficient execution to satisfy our requirement would be highly appreciated

Respectfully yours.

Handwritten signature

Nguyen-Tan-Lyc

QUESTIONNAIRE FOR CDP APPLICANTS

Date: April 15 1988

A. Basic Identification data:

1. Name: NGUYEN-TAN-LUC
2. Other name: None
3. Date/ place of birth: 17-10-1934 Saigon
4. Residence address: 1/21 Ngô-Quyền Q.5 T.P Hồ-Chí-Minh City
5. Mailing address: ditto
6. Current occupation: Audio (motion picture)

B. Relatives to Accompany me.

Nr.:	Name	Date of birth:	Place of birth:	Sex	M.S.:	Relationship
1:	HUYNH-THI-LAI	15-5-1915	Hiệp-Hòa	Fem	W	Mother
2:	NGUYEN-NGOC-CANH	1-8-1936	Ben-Tre	-	M	Wife
3:	NGUYEN-TAN-PHAT	15-10-1959	Saigon	Mal	S	Son
4:	NGUYEN-THI-KIM-CHI	25-12-1960	-	Fem	S	Daughter
5:	NGUYEN-THI-PHUONG-LOAN	28-3-1963	-	-	S	-
6:	NGUYEN-THI-PHUONG-THANH	6-2-1974	-	-	S	-

C. Relatives outside Vietnam.

1. Closet relative in the U.S. None
2. Closet relative in other Foreign Countries None

D. Complete Family Listing (living/dead).

1. Father: NGUYEN-VAN-DUNG Dead
2. Mother: HUYNH-THI-LAI (1915, Hiệp-Hòa) 1/21 Ngô-Quyền Q.5 Ho-Chi-Minh
3. Spouse: NGUYEN-NGOC-CANH (1936, Bến-Tre) -
4. Former spouse (if any) None
5. Children:
 - (1) NGUYEN-TAN-PHAT (15-10-1959) 1/21 Ngô-Quyền Q.5 T.P Ho-Chi-Minh
 - (2) NGUYEN-THI-KIM-CHI (25-12-1960) -
 - (3) NGUYEN-THI-PHUONG-LOAN (28-3-1963) -
 - (4) NGUYEN-THI-PHUONG-THANH (6-2-1974) -

6. Sibling: None

E. Employment by U.S Government Agency or Other U.S organisations of your spouse.

None

F. Service with GVN or RVNAF by you or your spouse

1. Name of person serving: NGUYEN-TAN-LUC
2. Date From: 1-10-1953 To: 30-4-1975
3. Last rank: Major Serial number: 24/104 677.
4. Ministry. Office. Military unit: 3rd. Center Recruitment and to joint army.
5. Name of supervisor /C.O. Lieutenant-Colonel Nguyễn-Văn-Cam
6. Reason for leaving: Saigon was liberated (30-4-1975)
7. Name of American Advisor: None
8. U.S Training course in Vietnam: None
9. U.S Awards or certificate: None

G. Training outside Vietnam of you or your spouse.

1. Name of student/ Trainee: NGUYEN-TAN-LUC
2. School and school address: Intelligence School, Camp Murphy Phil
3. Dates From August 1958 to Sept, 1958
4. Description of courses: Psy-War
5. Who paid for training? USOM

(Notes: Please attach copies of diplomas or order, if available
Available? Yes _____ No. NO

G. Re-education of you or your spouse.

1. Name of person in reeducation: NGUYEN-TAN-LUC
2. Total time in reeducation: 12 years and 3 months
3. Still in reeducation? Yes, No, NO

4. (If released, we must have a copy of your release certificate)

I. Any additional remark?

I request you give me L.O.I, I.V. and to go to U.S.

Signature: 

Date: April 15 1988

J. Please list here all documents to this questionnaire

Attached:

-ODP questionnaire

-photocopy release certificate.

marriage certificate

-7 birth certificates for everyone



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **022388250**

Họ tên **NGUYỄN TẤN LỰC**

Sinh ngày **17-10-1934**

Nguyên quán **Quận 5**

TP. Hồ Chí Minh

Nơi thường trú **1/21 Ngô Quyền**

Phường 12Q5, TP. Hồ Chí Minh

Dân tộc:

Kinh

Tôn giáo: Thiên chúa

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

Nốt ruồi nổi cách
2cm dưới trước đầu
mặt trái

Ngày 28 tháng 11 năm 1987

CHỦ TỊCH BAN ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TÝ CÔNG AN

Chánh

Đoàn Viết Chánh



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

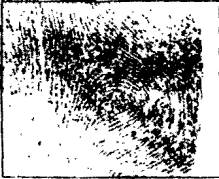
Số: **020829969**

Họ tên: **NGUYỄN VĂN LAM**

Sinh ngày: **1-2-1930**

Nguyên quán: **Thị trấn...**

Nơi thường trú: **1/21 Nguyễn Huệ,
Thị trấn Hồ Chí Minh.**

Dân tộc: MIỀN		Tôn giáo: KHÔNG	
	NGÓN TRỎ TRÁI	DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH	
		001 1000 1000 001 0,500 1001 500 100 001	
	NGÓN TRỎ PHẢI	Ngày 10 tháng 1 năm 1977 TRƯỞNG AN MỘT TRƯỞNG TY CÔNG AN TRƯỞNG PHÒNG CSI <i>Trần Văn Tấn</i>	

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **020904100**

Họ tên **NGUYỄN THỊ PHƯỢNG-**

LOAN



Sinh ngày **28-3-1963**

Nguyên quán **Quận 6,**

TP. Hồ Chí Minh.

Nơi thường trú **1/21 Ngô Quyền,**

TP. Hồ Chí Minh.

Dân tộc: kinh

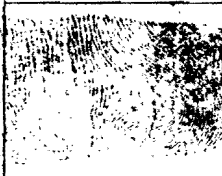
Tôn giáo: không



NGÓN TRỎ TRÁI

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

Sep chập chéo lên
trên sau dấu
trái.



NGÓN TRỎ PHẢI

Ngày 27 tháng 4 năm 1970

T. A. GIAM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TÝ CÔNG AN

TRÌNH NHẬN CHỨNG CSX

E. A. N. T. A. N.

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
THẺ CÁN-CUỘC

Số 11063016



Họ Tên NGUYỄN-TẤN-PHÁT

Ngày, nơi sinh 15-10-1959
Saigon

Cha Nguyễn-Tấn-Lực

Mẹ Nguyễn-Ngọc-Oanh

Địa chỉ I/21 Triều-Đã, SAIGON
(K-2, IG-1, Hồng-Bang)

Dấu vết riêng:

Tên nhân sách
3 người khỏe mặt trái.

Caoc 1 th

67

Nặng:

50

Kg

Chữ ký đương sự:

SAIGON ngày 28-02-1974

TUỆ-CHÍ-HUY-TRƯỞNG CSQ/T
CHÍ-HUY-Pho CSQ7.Quận Nhim

PHAN-VAN-CHUOC

Ngon tro mat

Ngon tro trai





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

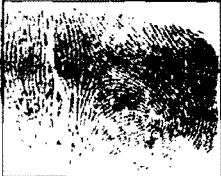
Số: C20829970

Họ tên: **LIÊN THỊ ANH CHỊ**

Sinh ngày: **25-12-1960**

Nguyên quán: **Quận 2, TP. Hồ Chí Minh.**

Nơi thường trú: **1/21 Ngõ 4, Th. 1, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh.**

Dân tộc: Kinh		Tôn giáo: Không	
	NGÓN TRỎ TRÁI	DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH	
		Dấu tròn, đem dấu 3,5cm sọc ngang mũi trái.	
	NGÓN TRỎ PHẢI	Ngày 1 tháng 1 năm 1 / 0 T. L. GIAI ĐOẠN HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN TRƯỞNG PHÒNG CSI  Trần Văn Tân	

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH CHOLON

(Extrait du registre des actes de naissance)

(NAM-PHẦN)
(Sud-Viêt-nam)

NĂM 1934
(Année)

SỐ HIỆU 5184
(Acte N°)

Tên, họ đứa con nít. (Nom et prénom de l'enfant)	NGUYEN TAN LUC
Nam, nữ (Sexe de l'enfant)	Nam
Sanh ngày nào (Date de naissance)	le 17.10.1934
Sanh tại chỗ nào (Lieu de naissance)	4 Bd Frédéric Drouhet
Tên, họ cha (Nom et prénom du père)	NGUYEN VAN DUNG
Cha làm nghề gì (Sa profession)	Instituteur
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	rue Chasseloup Laubat Saigon
Tên, họ mẹ (Nom et prénom de la mère)	HUYNH THI LAM
Mẹ làm nghề gì (Sa profession)	Sans profession
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	rue Chasseloup Laubat Saigon
Vợ chánh hay thứ (Son rang de femme mariée)	premier rang

Nhà in Ng-van-Huân. Saigon

Chúng tôi, Dang Vu Hâm
(Nous)
được Chánh-án Tòa Saigon U. N.
(Président du Tribunal)

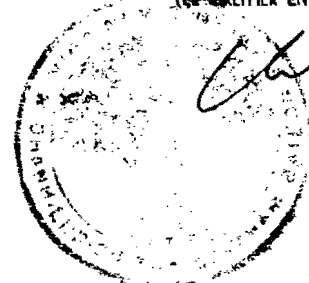
chứng cho hợp-pháp chữ ký tên của
(Certifions l'authenticité de la signature de)
Ông Trần quan Cẩn
(M.)

Chánh Lục-sự Tòa-án sở tại.
(Greffier en chef dudit Tribunal).

Saigon, ngày 6.4. 1960
T. U. N. CHÁNH-ÁN,
(LE PRÉSIDENT)
THẨM-PHÁN,

Trích y bản chánh :
(Pour extrait conforme) :

Saigon, ngày 6.4. 1960
CHÁNH LỤC-SỰ,
(LE GREFFIER EN CHEF)



Giá tiền :
(Coût)
Biên-lai số :
(Quittance n°)

5.00
16362/66H

MARIAGE DU 1^{er} DEGRÉ

Hôn thú bậc

nhứt

Số hiệu 9

Sao y lạc đời

Hiệp hòa, ngày 29/10/58

H.V. Hùng Lễ Kiêm H.V

Hồ Trại

[Signature]

Chứng thực

Chức vụ của H.V. Hùng Lễ

Kiểm tra H.V. Hồ Trại

Hiệp hòa, ngày 29/10/58

Đại diện Xa

[Signature]

CHỨNG THỰC

Chức vụ của nhân viên

Hội đồng Xa Hiệp hòa

Hiệp hòa, ngày 29/10/58

QUẢN TRƯỞNG

(1) Marge réservée pour la mention, en résumé, des jugements rectificatifs des actes de l'état-civil.

(1) Lễ chừa để lược biên án tòa cải giấy hôn thú lại.

Nom et prénoms de l'époux

Tên, họ người chồng

Sa profession

Làm nghề gì

Lieu de sa naissance

Sanh tại chỗ nào

Date de sa naissance

Sanh ngày nào

Son domicile

Nhà cửa ở đâu

Nom et prénoms du père de l'époux (indiquer s'il est vivant ou décédé)

Tên, họ cha chồng (sống chết phải nói)

Son âge

Mấy tuổi

Sa profession

Làm nghề gì

Son domicile

Nhà cửa ở đâu

Nom et prénoms de sa mère (indiquer si elle est vivante ou décédée)

Tên, họ mẹ chồng (sống chết phải nói)

Son âge

Mấy tuổi

Sa profession

Làm nghề gì

Son domicile

Nhà cửa ở đâu

Nom et prénoms de la personne qui procède au mariage du côté de l'époux

Tên, họ chủ hôn bên trai

Son âge

Mấy tuổi

Sa profession

Làm nghề gì

Son domicile

Nhà cửa ở đâu

Nom et prénoms de l'épouse

Tên, họ người vợ

Son rang de femme mariée

Vợ chánh hay là vợ thứ

Sa profession

Làm nghề gì

Lieu de la naissance

Sanh tại chỗ nào

Date de sa naissance

Sanh ngày nào

Son domicile

Nhà cửa ở đâu

Nom et prénoms du père de l'épouse (indiquer s'il est vivant ou décédé)

Tên, họ cha vợ (sống chết phải nói)

Son âge

Mấy tuổi

Sa profession

Làm nghề gì

Son domicile

Nhà cửa ở đâu

Nguyễn Tấn Đức

Quản nhân

Cholon

một ngàn chín trăm ba mươi bốn

Hiệp hòa

Nguyễn Văn Dũng (sống)

bốn mươi tám tuổi

giáo viên

Hiệp hòa

Huỳnh Thị Tài (sống)

bốn mươi hai tuổi

nồi trô

Hiệp hòa

Nguyễn Văn Dũng

bốn mươi tám tuổi

giáo viên

Hiệp hòa

Nguyễn Ngọc Thanh

vợ chánh

làm việc nhà

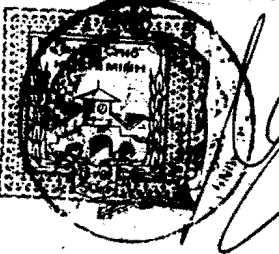
một ngàn chín trăm ba mươi ba

An-hoi (Bến tre)

Cholon

Thống cha

Số: 208/1948
CHUNG NHẬN
GIỒNG BẠCH CHÍN
 Xuất trình tại UBND. P. 12
 Ngày 14 tháng 04 năm 1948
 TM/UBND. PHƯƠNG 12/35
ỦY VIÊN THỦ KÝ



Nom et prénoms de sa mère (à indiquer si elle est vivante ou décédée) Tên, họ mẹ vợ (chết sống phải nói)	Nguyễn Thị - Phú (sống)
Son âge — <i>Mấy tuổi</i> . . .	Sáu mươi hai tuổi
Sa profession. — <i>Làm nghề gì</i>	Nồi tro
Son domicile. — <i>Nhà cửa ở đâu</i>	Cholon
Nom et prénoms de la personne i procède au mariage du côté de l'épouse Tên, họ chủ hôn bên gái	Nguyễn Thị Phú
Son âge. — <i>Mấy tuổi</i> . . .	Sáu mươi hai tuổi
Sa profession. — <i>Làm nghề gì</i>	Nồi tro
Son domicile. — <i>Nhà cửa ở đâu</i>	Cholon
Nom et prénoms de l'entremetteur du mariage.	Không mai
Tên, họ người làm mai . . .	
Son âge. — <i>Mấy tuổi</i> . . .	
Sa profession. — <i>Làm nghề gì</i> . . .	
Son domicile. — <i>Nhà cửa ở đâu</i> . . .	
Nom et prénoms du 1 ^{er} témoin Tên, họ người chứng thứ nhất	Nguyễn Văn Vây
Son âge. — <i>Mấy tuổi</i> . . .	Năm mươi một tuổi
Sa profession. — <i>Làm nghề gì</i> . . .	Tram vườn
Son domicile. — <i>Nhà cửa ở đâu</i> . . .	Hiệp hòa
Nom et prénoms du 2 ^e témoin Tên, họ người chứng thứ nhì	Nguyễn Văn Vây
Son âge. — <i>Mấy tuổi</i> . . .	Năm mươi bốn tuổi
Sa profession. — <i>Làm nghề gì</i> . . .	Tram vườn
Son domicile. — <i>Nhà cửa ở đâu</i> . . .	Hiệp hòa

A
 Tại Hiệp hòa, ngày 14 tháng 4, đúng lịch năm một
 ngàn chín trăm bốn mươi tám.

Les époux,
 Vợ chồng,
 Nguyễn Tấn Đức
 Nguyễn Ngọc Danh

L'entremetteur,
 Mai non,

Les pères et mères,
 Cha mẹ hai bên,
 Nguyễn Văn Dũng
 Nguyễn Thị Tài
 chồng cha
 Nguyễn Thị Phú.

L'Officier de l'État-Civil,
 Chức việc coi bộ đời,
 Ngô Văn Mười

Les personnes qui ont procédé au mariage,
 Các người chủ hôn,
 Nguyễn Văn Dũng
 Nguyễn Thị Phú

Les témoins,
 Các người chứng,
 Nguyễn Văn Vây
 Nguyễn Văn Vây

Trích-lục văn-Kiến thê vi hộ-tịch lưu trữ tại
Phòng Lục-Sự Tòa HGRQ.KIÊN-HÒA



---+---

TÒA H.G.R.Q.KIÊN-HÒA

Một bản chánh giấy thê-vi khai sanh

do Nguyễn ngọc Oanh

xin cấp đã được

(1) Ngày

Giấy thê-vi

o. Trần văn Thuận CHÁNH-ÁN Tòa HGRQ.KIÊN-HÒA

cho : Nguyễn ngọc

Oanh

với tư cách Thẩm-Phán Hoà-Giải lập ngày

và đã trước bạ;

(1) Số : 2143

TRÍCH RA NHƯ SAU ĐÂY :

Những nhân chứng này sau khi nghe đọc điều 16 của
Nghị-Định ngày 17-11-1947 của Thủ-Tướng Chánh-Phủ Lâm-Thời
Nam-Phân-Việt-Nam và điều 363 và kế tiếp Hình-Luật Canh-Cải
sửa đổi bởi Sắc-Lệnh ngày 31-12-1912 và sau khi tuyên-thệ,
quả-quyết và biết chắc rằng :

- Nguyễn ngọc Oanh, gái, sanh ngày 1.8.1936 tại An hội

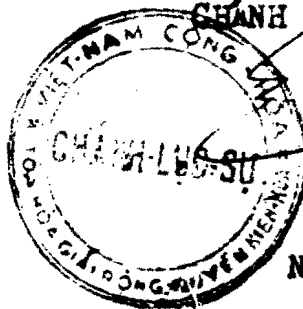
Bontre, con của Nguyễn thị Phú ./.

TRÍCH LỤC Y THEO BẢN CHÁNH

KIÊN-HÒA , ngày 25 tháng 1 năm 1965

Lệ phí : 5.000

(1) Lập lại số ngày tháng
và năm trên đây mỗi khi
xin trích-lục.



ĐÔNG KIEM.//.

NGUYỄN-VĂN-LÝ,

NAM-PHẦN

ĐÔ - THÀNH SAIGON

Tòa Hành-Chánh Quận VSố hiệu 18.679

Cước phí 10\$00

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

HỘ-TỊCH



TRÍCH-LỤC BỘ KHAI SANH

NĂM một ngàn chín trăm sáu mươi chín (1959)

Nhà in Inh. Ng-v-Viet Saigon. g-60 DT

Tên, họ đứa nhỏ	Nguyễn-tân-Phát
Phái	Nam
Ngày sanh	Mười lăm tháng mười, năm một ngàn chín trăm năm mươi chín, giờ 21 giờ.
Nơi sanh	387, đại-lộ Minh-Mạng
Tên, họ người cha	Nguyễn-tân-Lực
Tuổi	Hai mươi lăm
Nghề-nghiệp	gi-quan
Nơi cư-ngụ	150, đại-lộ Minh-Mạng
Tên, họ người mẹ	Nguyễn-ngọc-Oanh
Tuổi	Hai mươi ba
Nghề-nghiệp	Nội-trợ
Nơi cư-ngụ	150, đại-lộ Minh-Mạng
Vợ chánh hay thứ	Vợ chánh

Lập tại Saigon, ngày 20 tháng 10 năm 1959

TRÍCH-LỤC Y BẢN CHÍNH :

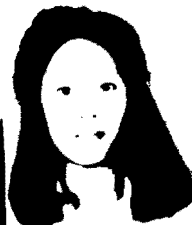
Saigon, ngày 23 tháng 9 năm 1960Quận-Trưởng, Quận Năm 4

Nguyễn-tân-Huỳnh
Phụ.

NAM-PHẦN
ĐÔ - THÀNH SAIGON
Tòa Hành-Chánh Quận 5
Số hiệu 25497

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

HỘ-TỊCH



TRÍCH-LỤC BỘ KHAI SANH

NĂM

một ngàn chín trăm sáu mươi (1960)

Nhà in Inh, Ng-v-Việt Saigon. 6-60 DT

Tên, họ đứa nhỏ.	Nguyễn thị Kim Chi
Phái	Nữ
Ngày sanh	Hai mươi lăm tháng chạp năm một ngàn chín trăm sáu mươi hồi 9 giờ 45
Nơi sanh	387, đại lộ Minh Mạng
Tên, họ người cha	Nguyễn tấn Lực
Tuổi	Hai mươi sáu
Nghề-nghiệp	Quân nhân
Nơi cư-ngụ	150, đại lộ Nhân Vị
Tên, họ người mẹ	Nguyễn ngọc Canh
Tuổi	Hai mươi bốn
Nghề-nghiệp	Nội trợ
Nơi cư-ngụ	150, đại lộ Nhân Vị
Vợ chánh hay thứ	Vợ chánh

lập tại Saigon, ngày 27 tháng 12 năm 1960
TRÍCH-LỤC Y BẢN CHÍNH:

Saigon, ngày 21 tháng 1 năm 1961
Quận-Trưởng, Quận 5

ỦY BAN NHÂN DÂN
Xã. Thị trấn Hiệp Hoà
Thị xã. Quận Đức Hoà
Thành phố, Tỉnh Lạng Sơn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập — Tự Do — Hạnh Phúc

Mẫu HT2/P3



BẢN SAO GIẤY KHAI SANH

Số _____
Quyển số _____

Họ và tên	<u>Nguyễn Thị Gai</u>		Nam, nữ
Sinh ngày tháng năm	<u>15 tháng 5 năm 1915</u>		
Nơi sinh	<u>Hiệp Hoà</u>		
KHAI VỀ CHA MẸ	CHA	MẸ	
Họ, tên, tuổi hoặc ngày, tháng, năm sinh	<u>Nguyễn Văn</u>	<u>Lê Thị Kéo</u>	
Dân tộc Quốc tịch	<u>Trung Hoa</u>	<u>Việt Nam</u>	
Nghề nghiệp Nơi ĐKKK thường trú			
Họ, tên, tuổi nơi ĐKKK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai			

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Đã ký ngày _____ tháng _____ năm 198_____
(ký tên, đóng dấu, ghi rõ chức vụ)

Ngày 22 tháng 10 năm 87
TM. UBND Đ. Hiệp Hoà ký tên đóng dấu



Đ. Hiệp Hoà Tôn Nữ

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập — Tự Do — Hạnh Phúc



Mẫu HT 3/P3

Xã, Thị trấn : _____
Thị xã, Quận : IG
Thành phố, Tỉnh : HCM

BẢN SAO
GIẤY KHAI SINH

Số 025
Quyền số /

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Họ và tên :	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THANH		Năm, nữ <u>NỮ</u>
Sinh ngày tháng, năm :	Ngày 06 tháng hai năm 1974		
Nơi sinh	3-7 Đường Minh Mạng		
Khai về cha, mẹ	CHA	MẸ	
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	NGUYỄN VĂN LUY	NGUYỄN NGOC BANH	
Dân tộc Quốc tịch			
Nghề nghiệp Nơi ĐKNK thường trú			
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai			

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày _____ năm _____

TM/UBND _____ ký tên đóng dấu



Đăng ký ngày 12 tháng 12 năm 1974

(Ký tên đóng dấu ghi rõ chức vụ)

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự Do - Hạnh Phúc

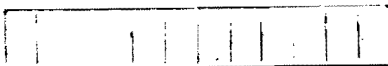
Mẫu HT3 P3



Xã, Thị trấn _____
Thị xã, Quận Nam
Thành phố, Tỉnh _____

BẢN SAO
GIẤY KHAI SINH

Số 3354A
Quyển số 17 A

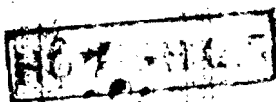


Họ và tên	NGUYEN THI PHUONG LOAN		Nam, nữ <u>nữ</u>
Sinh ngày tháng, năm	Hai mươi tám tháng ba năm một chín sáu ba (28-3-1963)		
Nơi sinh	387 Minh Mạng		
Khai về cha, mẹ	CHA	MẸ	
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	Nguyễn tấn Lực 29	Nguyễn ngọc Oanh 27	
Dân tộc Quốc tịch			
Nghề nghiệp Nơi ĐKNK thường trú	quân nhân 150 đại lộ Nhân vị	giáo viên	
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	Nguyễn kim Viên 40 tuổi 387 Minh Mạng		

NHẬN THU CHÍNH
Ngày 28 tháng 3 năm 1980
TM/UBND _____ đóng dấu

Đăng ký ngày 30 tháng 3 năm 63
(Ký tên, đóng dấu ghi rõ chức vụ)

viên chức hộ tịch đã ký



TRẦN THÀNH SỰ

T.H

THAY ĐỔI CHỖ Ở CẢ HỘ

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

NHỮNG THAY ĐỔI KHÁC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
HỘ KHẨU THƯỜNG TRÚ

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số: 512901 CN

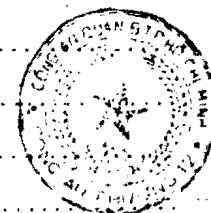
Họ và tên chủ hộ: Nguyễn Ngọc Danh

Ấp, ngõ, số nhà: 4/21

Thị trấn, đường phố: Ng. Quỳnh

Xã, phường: Phường Thới Lai

Huyện, quận: Năm



Ngày 10 tháng 5 năm 1982

P. Trưởng công an (Ký tên, ghi rõ họ tên)



Số NK 3:

Thị trấn Thới Lai

NHỮNG NGƯỜI HƯỞNG TRÚ TRONG HỘ

[illegible]



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE:

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV # _____
VEWL.# _____
I-171 : _____ Yes, ☒ No

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM NGUYEN TAN LUC
Last Middle First

Current Address 1/21 NGÔ QUYÊN ST, Q.5, H.C. MINH CITY, VIETNAM

Date of Birth 10/17/34 Place of Birth SAIGON - VN

Previous Occupation (before 1975) MAJOR
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates : From 06/15/75 To 09/14/87

3. SPONSOR'S NAME: NGUYEN THI NGOC
Name

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone</u>	<u>Relationship</u>
<u>NGUYEN THI NGOC</u>	<u>Friend</u>
<u>(Same as above)</u>	

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

Date Prepared: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : NGUYEN TAN LUC
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
HUYNH THI LAI	05/15/15	MOTHER
NGUYEN NGOC DANH	08/01/36	WIFE
NGUYEN TAN PHAT	10/15/59	SON
NGUYEN THI KIM CHI	12/25/60	Daughter
NGUYEN THI PHUONG LOAN	03/28/63	Daughter
NGUYEN THI PHUONG THANH	02/6/74	Daughter

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

Kính gửi: Hội Gia đình Cựu Tu nhân CSVN
Tại HOA-KỲ

Kính thưa quý Hội,

Ông tên là: Nguyễn Tấn LỰC. Sinh ngày 17.10.1934 Saigon

Cấp bậc: Cựu Thiếu Tá, Sĩ quan: 54/109.677.

Chức vụ: Trưởng Khối CTCT.

Đón vị: Cung tâm 3 Truyến mộ nhập ngũ.

Ngày bị bắt: 15.6.1975.

Ngày ra trại: 14.9.1987.

Các trại đã qua: Trại Long Giao (Xuân Lộc), Biên Hòa, Nông trường Chế Tân Phú (Gün Bái), CT 3 (Đông Tỉnh), Z 30 D Hàm Tân (Thuận Hải) và Xuân Phước (Phước Khánh).

Tên Cha: Nguyễn Văn DŨNG (Chết)

Tên Mẹ: Huỳnh Thị LẠI (Sống), Sinh 15.5.1915.

Cần kính xin quý Hội vui lòng giúp đỡ tôi theo mục đích của quý Hội đã đề ra: Ông đi cải tạo hơn 12 năm. Ra trại đời sống quả là cực khổ khăn. Do đó xin quý Hội can thiệp với Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ qua VP/ODP Ban KOK Thái Lan. Cho tôi vào Danh sách Tự Chẩn tại Bang định cư tại Hoa Kỳ theo Chương trình ODP mà Đại Chẩn Phủ Hoa Kỳ và Việt Nam đã thừa nhận.

Chia thiết xin quý Hội can thiệp cho tôi được ghi tên vào Danh sách Tự Chẩn tại và cấp cho một cái LÔI.

Những người đi theo tôi:

Họ và Tên	Ngày và Nơi Sinh	Giới	Liên hệ	Địa chỉ
Huỳnh Thị Lại	15.5.1915 Hiệp Hòa	Nữ	Mẹ ruột	1/21 Ngõ Quyển. Q. 5
Nguyễn Ngọc Danh	1.8.1936 Bến Tre	-st-	Vợ	Saigon-
Nguyễn Tấn Phát	15.10.1959 Saigon	Nam	Con trai	-st-
Nguyễn Thị Kim Chi	25.12.1960 -st-	Nữ	Con gái	-st-
Nguyễn Thị Phương Lan	28.03.1963 -st-	-st-	-st-	-st-
Nguyễn Thị Phương Thanh	6.02.1974 -st-	-st-	-st-	-st-

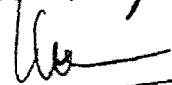
Địa chỉ liên lạc thủ từ tại Việt Nam: 1/21 Ngõ Quyển. Q. 5 Saigon

Dính kèm:

- 01 bản Dao Giấy ra Trại.
- 01 bản Dao Hình Thụ
- 07 Khai Danh của mỗi người.
- 05 bản Dao Căn Cứ
- 01 bản Dao Hồ Khẩu
- 01 quyết định an táng Nguyễn Thị Phương Lan.

Chân thành kính xin quý Hội và Cháu quý Hội thân
tất tưng nhiêm vụ!

Ngày 20.6.1988



UNITED STATES DEPARTMENT OF JUSTICE
IMMIGRATION AND NATURALIZATION SERVICE

REFER TO THIS FILE NO.

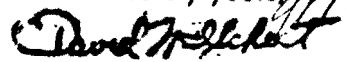
A-27 848 212

Date: JUN 23 1988 SFR 1825

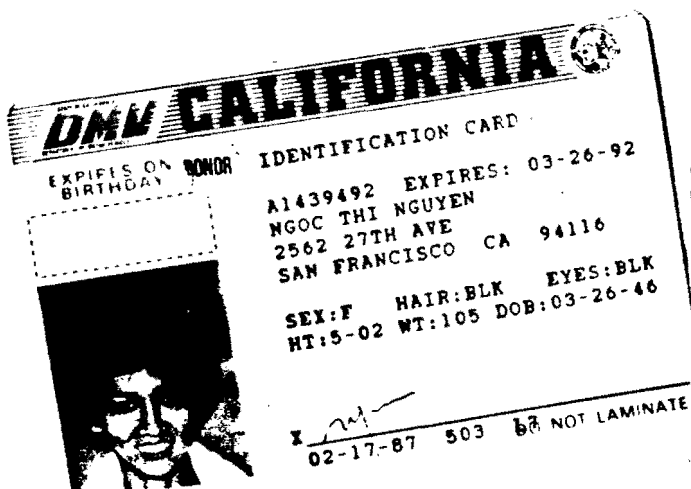
Ngoc Thi NGUYEN

The processing of the application for adjustment of status to that of permanent resident filed by the above named individual has been completed. A request has been forwarded for the allocation of a visa number.

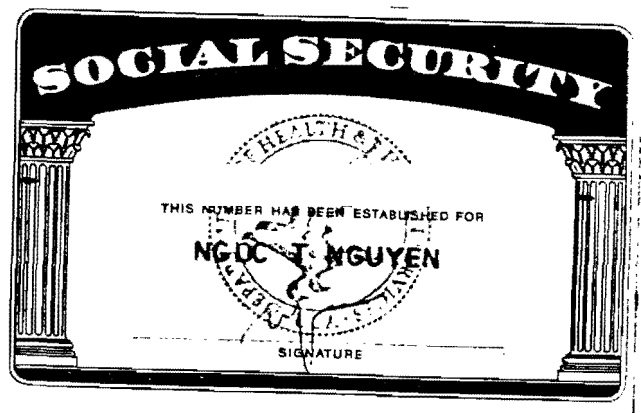
Sincerely yours,



District Director



ATTORNEY



TO WHOM CONCERNED :

MY NAME IS : NGUYEN THI NGOC

BIRTH DATE/PLACE = MAR 26, 1946 - SAIGON VIETNAM

PRESENT ADDRESS :

DAY PHONE # (

NIGHT PHONE #

DATE OF ENTRY TO U.S. : FEB 10, 1987

MY ALIEN REGISTRATION NUMBER = A-27-848-212

THE FOLLOWING ARE PERSONS IN VIETNAM KNOWN TO ME AND WHO MAY BE ELIGIBLE TO ENTER THE U.S. UNDER O.D.P. AS A FORMER EMPLOYEE OF VIETNAMESE GOVERNMENT (POLITICAL PRISONER) CLOSE ASSOCIATE TO THE U.S.

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT : NGUYEN TAN LUC

DATE / PLACE OF BIRTH : OCT 17, 1934 SAIGON VIETNAM

ADDRESS IN VIETNAM : 1/21 NGO-QUYEN ST. Q.5

H.C.M CITY VIETNAM

EMPLOYEE OF VIETNAMESE GOVERNMENT (PRIOR TO 1975)

MILITARY UNIT : 3RD CENTER RECRUITMENT AND TO

JOINT ARMY

LAST GRADE : MAJOR

NAME / POSITION OF SUPERVISOR : NGUYEN VAN CAN

LIEUTENANT COLONEL

DATE OF INTERNED IN RE-EDUCATION CAMP

FROM JUNE 15, 1975 TO SEPT 14, 1987

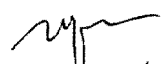
RELATIONSHIP TO ME : FRIEND

NAMES OF DEPENDENT :

HUYNH THI LAI ; MOTHER , BORNED : MAY 15, 1915 HIEP HOA
NGUYEN NGOC DANH , WIFE , BORNED : AUG 1ST, 1936 BENTRE
NGUYEN TAN PHAT , SON , BORNED : OCT 15, 1959 SAIGON
NGUYEN THI KIM CHI , DAUGHTER , BORNED : DEC 25 SAIGON
NGUYEN THI PHUONG LOAN , DAUGHTER , BORNED : MAR 28, 1963
SAIGON
NGUYEN THI PHUONG THANH ; DAUGHTER , BORNED : FEB 6, 1974
SAIGON

WE LOOKED FORWARD YOU TO HELP PERSONS LIST ABOVE
TO ENTER THE U.S. AS SOON AS POSSIBLE .

THANKS FOR YOUR GREATEST HELP !

YOUR SINCERELY

NGUYEN THI NGOC

BỘ NỘI VỤ
Trại Quản phạt
Số 52. GRI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Mẫu số 001-QLTG, ban hành theo công văn số 2563 ngày 27 tháng 11 năm 1972

0	0	0	7	0	0	0	2	0	2
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---

SHSLD

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA-TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ:

Thi hành án văn, quyết định tha số 10/03 ngày 10 tháng 08 năm 1987

của BỘ NỘI VỤ

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh NGUYỄN TẤN LỰC Sinh năm 19 34

Các tên gọi khác

Nơi sinh Sài Gòn

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt

1/21, Ngô Quyền, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

Cán tội Thiếu tá, trước ban kỷ thuật điện ảnh

Bị bắt ngày 13/06/1975 An phạt 03 năm TGT

Theo quyết định, án văn số ngày tháng năm của

Đã bị tăng án 03 lần, cộng thành 03 năm tháng

Đã được giảm án lần, cộng thành năm tháng

Nay về cư trú tại 1/21, Ngô Quyền, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

Nhận xét quá trình cải tạo

- Xác định được tội lỗi, chịu sự cải tạo, lao động có cố gắng, đảm bảo ngày công, học tập và chấp hành nội quy được, ít sai phạm, xếp loại cải tạo khá.

- Về mặt chính quyền địa phương tiếp tục theo dõi, giúp đỡ, tạo điều kiện cho đương sự làm ăn sinh sống, mau trở thành người công dân lương thiện.

Đương sự phải trình diện tại UBND Phường, xã Quận

Trước ngày 30 tháng 09 năm 19 87

Lên tay ngôn tố phải
Của NGUYỄN TẤN LỰC
Danh bìn số 6912
Lập tại Trại Quản phạt

Họ tên, chữ ký
người được cấp giấy

lưu

Ngày 11 tháng 9 năm 19 87

Giám thị



NGUYỄN TẤN LỰC

NGUYỄN VĂN BẢNG

CA 18015918

CHỖ ĐÓNG NHÃN

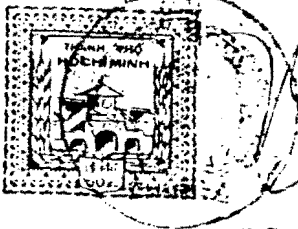
THÀNH PHỐ HOÀNG KHÁNH

QUẬN 12

Ngày 27 tháng 2 năm 1988

TÀI NGUYÊN PHƯƠNG 12/05

HI VIÊN THỦ KÝ



Trần Thị Lan

ỦY BAN NHÂN DÂN
Xã. Thị trấn Huỳnh Hòa
Thị xã, Quận Đức Hòa
Thành phố, Tỉnh Long An

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự Do — Hạnh Phúc

Mẫu HT2/P3



BẢN SAO GIẤY KHAI SANH

Số _____
Quyển số _____

Họ và tên	<u>Nguyễn Thị Gai</u>		Nam, nữ
Sinh ngày tháng năm	<u>15 tháng 5 năm 1915</u>		
Nơi sinh	<u>Huỳnh Hòa</u>		
KHAI VỀ CHA MẸ	CHA	MẸ	
Họ, tên, tuổi hoặc ngày, tháng, năm sinh	<u>Nguyễn Xuân</u>	<u>Chị Thị Hoa</u>	
Dân tộc Quốc tịch	<u>Trung Hoa</u>	<u>Việt Nam</u>	
Nghề nghiệp Nơi ĐKKK thường trú			
Họ, tên, tuổi nơi ĐKKK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai			

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Đ. ne ký ngày _____ tháng _____ năm 198_____
(ký tên, đóng dấu, ghi rõ chức vụ)

Ngày 24 tháng 10 năm 87
TM. UBND Đ. Thị Hoa ký tên đóng dấu



Đ. Thị Hoa

PHÒNG LỤC-SỰ TOÀ
GREFFE DU TRIBUNAL DE

Quảng-Trung

BẢN TRÍCH LỤC BỘ HÔN THỦ NĂM

1950

(BƯỚC NHỮC)

Extrait du registre des actes de mariage de l'année

(degree)

LÀNG

1132-134

TỈNH

QUẢNG-TRUNG

(NAM PHÂN)

du village de

Province de

(Sud-Vietnam)

NĂM 1950

SỐ HIỆU 2

(Année)

(Acte No)



Tên, họ người chồng Nom et prénom de l'époux	Nguyễn-Văn-Lực
Sinh tại chỗ nào Lieu de la naissance	Quảng-Trung
Sinh ngày nào Date de la naissance	1930
Tên, họ cha chồng (sống chết phải nói) Nom et prénom du père de l'époux (indiquer s'il est vivant ou décédé)	Nguyễn-Văn-Lũng (sống)
Tên, họ mẹ chồng (sống chết phải nói) Nom et prénom de la mère de l'époux (indiquer s'il est vivant ou décédé)	Nguyễn-Thị-Lại (sống)
Tên, họ người vợ Nom et prénom de l'épouse	Nguyễn-Thanh-Quang
Vợ chồng hay là vợ thứ Son rang de femme mariée	Vợ chính
Sinh tại chỗ nào Lieu de la naissance	Quảng-Trung - Bến-tre
Sinh ngày nào Date de la naissance	1930
Tên, họ cha vợ (sống chết phải nói) Nom et prénom du père de l'épouse (indiquer s'il est vivant ou décédé)	Không cha
Tên, họ mẹ vợ (sống chết phải nói) Nom et prénom de la mère de l'épouse (indiquer s'il est vivant ou décédé)	Nguyễn-Thị-Phu (sống)
Ngày kết-hôn Date du mariage	3 tháng 4 năm 1950

Thủ-ta Kinh-lâm Chánh-ly, Sở-tư-pháp - H. Q. T. T.

Chứng-tới

Như

Chánh-ly Toà

Président du Tribunal de

chứng-cho hợp-pháp chữ ký của
certifie l'authenticité de la signature de M.

Ông Nguyễn-Văn-Lực
M. Nguyen-Van-Luc

Chánh-ly Toà An-sở tại
Président du Tribunal de

Chánh-ly Toà An-sở tại

Chánh-ly Toà An-sở tại

Chánh-ly Toà An-sở tại

Chánh-ly Toà An-sở tại

Chánh-ly Toà An-sở tại

Chánh-ly Toà An-sở tại

Chánh-ly Toà An-sở tại

Chánh-ly Toà An-sở tại

Chánh-ly Toà An-sở tại

Chánh-ly Toà An-sở tại

Chánh-ly Toà An-sở tại

Chánh-ly Toà An-sở tại

Chánh-ly Toà An-sở tại

Chánh-ly Toà An-sở tại

Chánh-ly Toà An-sở tại

Chánh-ly Toà An-sở tại

Trích y bản chính:

Pour extrait conforme:

ngày 30-7-1950

CHÁNH LỤC-SỰ

LE GREFFIER EN CHIEF

CHÁNH LỤC-SỰ

LE GREFFIER EN CHIEF

CHÁNH LỤC-SỰ

LE GREFFIER EN CHIEF

CHÁNH LỤC-SỰ

LE GREFFIER EN CHIEF

CHÁNH LỤC-SỰ

LE GREFFIER EN CHIEF

CHÁNH LỤC-SỰ

LE GREFFIER EN CHIEF

CHÁNH LỤC-SỰ

LE GREFFIER EN CHIEF

CHÁNH LỤC-SỰ

LE GREFFIER EN CHIEF

CHÁNH LỤC-SỰ

LE GREFFIER EN CHIEF

CHÁNH LỤC-SỰ

LE GREFFIER EN CHIEF

CHÁNH LỤC-SỰ

LE GREFFIER EN CHIEF

GIA HẸN

Có

Biên-lai số

Quê-huộc

HP

3034



Trích-lục văn-Kiến thể và họ-tịch lưu trữ tại
Phòng Lục-Sự Tòa HGRQ.KIẾN-HÒA

---+---

TÒA H.G.R.Q.KIẾN-HÒA

Một bản chánh giấy thể-vi

khui sanh xin cấp đã được

(1) Ngày

do

Nguyễn ngọc Cảnh

CHÁNH-ÁN Tòa HGRQ.KIẾN-HÒA

Giấy thể-vi

o.

Trần văn Thuận

với tư cách Tham-Phán Hoà-Giải lập ngày

cho :

Nguyễn ngọc

và đã trước bạ;

(1) Số

Cảnh

TRÍCH RA NHƯ SAU ĐÂY :

: 2143

Những nhân chứng này sau khi nghe đọc điều 16 của
Nghị-Định ngày 17-11-1947 của Thủ-Tướng Chánh-Phủ Lâm-Tuất
Nam-Phân Việt-Nam và điều 363 và kế tiếp Hình-Dụng Cảnh
sửa đổi bởi Sắc-Lệnh ngày 31-12-1912 và sau khi tuyên-thạo,
quả-quyết và hiết chắc rằng :

- Nguyễn ngọc Cảnh, gái, sanh ngày 1.8.1936 tại An hội

Bentre, con của Nguyễn thị Nhũ ./.

TRÍCH LỤC Y THEO BẢN CHÁNH

KIẾN-HÒA , ngày

tháng

năm 1965

Lệ phí :

CHÁNH LỤC SỰ 1

(1) Lập lại số ngày tháng
và năm trên đây mỗi khi
xin trích-lục.

ĐÔNG KIEM ./.

NGUYỄN-VAN-LÝ,

MARIAGE DU 1^{er} DEGRÉ

Hôn thú bậc

nhứt

Số hiệu 9

Sao y Coi doi

Hiệp hòa, ngày 29/10/58

H.V. Kinh tế kiêm H.V

Hộ tịch

Chứng thực

Chứng thực

Chức vụ của H.V. Kinh tế

kiêm H.V. Hộ tịch

Hiệp hòa, ngày 29/10/58

Đại diện Xa 2

CHỨNG THẬT

Chữ ký lên của nhân viên

Hội đồng Xa Hiệp hòa

Ngày 29 tháng 10 năm 1958

QUẢN TRƯỞNG

(1) Marge réservée pour la mention, en résumé, des jugements rectificatifs des actes de l'état-civil.

(1) Lề chừa để lược biên án tòa cải giấy hôn thú lại.

Nom et prénoms de l'époux

Tên, họ người chồng

Sa profession

Làm nghề gì

Lieu de sa naissance

Sanh tại chỗ nào

Date de sa naissance

Sanh ngày nào

Son domicile

Nhà cửa ở đâu

Nom et prénoms du père de l'époux

(indiquer s'il est vivant ou décédé)

Tên, họ cha chồng (sống chết phải nói)

Son âge

Mấy tuổi

Sa profession

Làm nghề gì

Son domicile

Nhà cửa ở đâu

Nom et prénoms de sa mère (indiquer si elle est vivante ou décédée)

Tên, họ mẹ chồng (sống chết phải nói)

Son âge

Mấy tuổi

Sa profession

Làm nghề gì

Son domicile

Nhà cửa ở đâu

Nom et prénoms de la personne qui procède au mariage du côté de l'époux

Tên, họ chủ hôn bên trai

Son âge

Mấy tuổi

Sa profession

Làm nghề gì

Son domicile

Nhà cửa ở đâu

Nom et prénoms de l'épouse

Tên, họ người vợ

Son rang de femme mariée

Vợ chánh hậu là vợ thứ

Sa profession

Làm nghề gì

Lieu de la naissance

Sanh tại chỗ nào

Date de sa naissance

Sanh ngày nào

Son domicile

Nhà cửa ở đâu

Nom et prénoms du père de l'épouse

(indiquer s'il est vivant ou décédé)

Tên, họ cha vợ (sống chết phải nói)

Son âge

Mấy tuổi

Sa profession

Làm nghề gì

Son domicile

Nhà cửa ở đâu

Nguyễn Tấn Đức
Quản nhân
Cholon

một ngàn chín trăm ba mươi bốn
Hiệp hòa

Nguyễn Văn Dũng (sống)
bốn mươi tám tuổi

giáo viên
Hiệp hòa

Huỳnh Thị Tài (sống)
bốn mươi hai tuổi
nơi ở

Hiệp hòa

Nguyễn Văn Dũng
bốn mươi tám tuổi

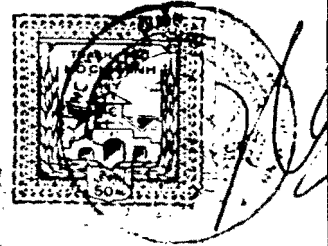
giáo viên
Hiệp hòa

Nguyễn Ngọc Thanh
vợ chánh

làm việc nhà
mười một ngàn chín trăm ba mươi hai
An-hoi (Bến tre)
Cholon

Không cha

Số 908/1968
CHÍNH QUYỀN
GIỚI THIỆU CHINH
XUẤT VÀO QUẢNG B. 12
T. 10. 04
ỦY VIÊN THỦ KÝ



Trần Thị

Nom et prénoms de sa mère (indiquer si elle est vivante ou décédée) Tên, họ mẹ vợ (chết sống phải rớt)	Nguyễn Thị - Phú (sống)
Son âge — <i>Mấy tuổi</i> . . .	Sáu mươi hai tuổi
Sa profession. — <i>Làm nghề gì</i>	Nồi tro
Son domicile. — <i>Nhà cửa ở đâu</i>	Cholon
Nom et prénoms de la personne qui procède au mariage du côté de l'épouse Tên, họ chủ hôn bên gái	Nguyễn Thị Phú
Son âge. — <i>Mấy tuổi</i> . . .	Sáu mươi hai tuổi
Sa profession. — <i>Làm nghề gì</i>	Nồi tro
Son domicile. — <i>Nhà cửa ở đâu</i>	Cholon
Nom et prénoms de l'entremetteur du mariage Tên, họ người làm mai	Không mai
Son âge. — <i>Mấy tuổi</i> . . .	
Sa profession. — <i>Làm nghề gì</i>	
Son domicile. — <i>Nhà cửa ở đâu</i>	
Nom et prénoms du 1 ^{er} témoin Tên, họ người chứng thứ nhất	Nguyễn Văn Vây
Son âge. — <i>Mấy tuổi</i> . . .	Năm mươi một tuổi
Sa profession. — <i>Làm nghề gì</i>	Tram vườn
Son domicile. — <i>Nhà cửa ở đâu</i>	Hiệp hòa
Nom et prénoms du 2 ^e témoin Tên, họ người chứng thứ nhì	Nguyễn Văn Vây
Son âge. — <i>Mấy tuổi</i> . . .	Năm mươi bốn tuổi
Sa profession. — <i>Làm nghề gì</i>	Tram vườn
Son domicile. — <i>Nhà cửa ở đâu</i>	Hiệp hòa

A
Tại Hiệp hòa, ngày tám tháng tư tháng lịch năm một
ngàn chín trăm năm mươi sáu.

Les époux,
Vợ chồng,

Nguyễn Tấn Đức
Nguyễn Ngọc Danh

L'entremetteur,
Mai rnon,

X

Les pères et mères,
Cha mẹ hai bên,

Nguyễn Văn Dũng
Nguyễn Thị Tài
chồng chị
Nguyễn Thị Phú

L'Officier de l'État-Civil,
Chức việc coi bộ đời,

Ngô Văn Mười

Les personnes qui ont procédé au mariage,
Các người chủ hôn,

Nguyễn Văn Dũng
Nguyễn Thị Phú

Les témoins,

Các người chứng,
Nguyễn Văn Vây
Nguyễn Văn Vây

NOTA. — Les blancs non utilisés devront être remplis par un trait.
PHẢI BIẾT. — Chỗ trắng không dùng tới thì phải kéo một nét.

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

NAM-PHẦN

ĐÔ-THÀNH SAIGON

QUẬN: _____



HỘ-TỊCH

LAI KHAI SANH

Số

15679

(Phát cho không)

54
20/9/54

Tên, họ đứa nhỏ

Nguyễn Văn Thúc

Trai hay gái

Nam

Sanh ngày

15

tháng

10

năm

1954

Tại quận

(Saigon)

Đường

Đi. 10. Minh Mạng, 100

Con của

Nguyễn Văn Thúc

Và của

Nguyễn Ngọc Bình

LỜI DẶN : Cha mẹ đứa nhỏ phải giữ giấy biên lai này,

hầu tiện đọc xin sao-lục khai sanh.

Đứa nhỏ mới sanh này phải được đem đi
trồng trái trong TAM ngày, để phòng ngừa
bệnh hoạn.

Trồng trái ở các nhà thương công cộng hoặc
Chân-Y-Viện Đô-Thành khỏi trả tiền chi cả.

Ghi vào bộ ngày

tháng

1

năm

1954

Trưởng-Quận

Quận

5

10

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
ĐÔ-THÀNH SAIGON

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

Quận: Nhà

Lập ngày 27 tháng 12 năm 19 60

Số 6

QUỐC NGUYỄN

Số hiệu: 25497

MIỄN PHÍ QUAN VU



Tên họ đứa trẻ.	NGUYỄN THỊ KIM CHI
Con trai hay con gái. . .	NỮ
Ngày sanh.	hai mươi lăm tháng chạp năm một ngàn chín trăm sáu mươi, hồi 9g45
Nơi sanh.	387, đại lộ Minh Mạng
Tên họ người cha.	NGUYỄN TÂN LỘC
Tên họ người mẹ.	NGUYỄN NGỌC OANH
Vợ chánh hay không có hôn-thứ.	Vợ chánh
Tên họ người đứng khai.	NGUYỄN KIM VIÊN

TRÍCH-LỤC Y BẢN-CHÍNH

Saigon, ngày 30 tháng 5 năm 19 71
TUN Viên-Chức Hộ-Tịch,

Won

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
NAM-PHẦN

ĐÔ-THÀNH SAIGON
QUẬN 5



HỘ-TỊCH

IÊN LAI KHAI SANH SỐ 3354 A

(Phát cho không)

Tên, họ đứa nhỏ	<u>Nguyễn Thị Thuý Loan</u>
Trai hay gái	<u>Nữ</u>
Sinh ngày	<u>28</u> tháng <u>3</u> năm 19 <u>63</u>
Tại quận	<u>5</u> (Saigon)
Đường	<u>Đại lộ Minh Mạng 387</u>
Con của	<u>Nguyễn Tân Lộc</u>
Và của	<u>Nguyễn Ngọc Oanh</u>

Đứa nhỏ mới sanh này phải đem đi trồng trái trong TAM ngày, để phòng ngừa bệnh hoạn.

Trồng trái ở các nhà thương công-cộng hoặc Chẩn-Y-Viện Đô-Thành khi trả tiền chi cả.

Chỉ vào bộ ngày 30 tháng 3 năm 19 63

T. Viên-Chức Hộ-Tịch

[Signature]

LỜI DẶN: Cha mẹ đứa nhỏ phải giữ giấy biên lai này.
hữu tiện việc sau lục khai sanh.

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập — Tự Do — Hạnh Phúc

Mẫu HT 5/73

Xã, Thị trấn: _____

Thị xã, Quận: 10

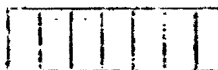
Thành phố, Tỉnh: HCM

BẢN SAO

GIẤY KHAI SINH

Số 025

Quyền số /



Họ và tên:	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THANH		K/m, nữ	HỮ
Sinh ngày tháng, năm:	Ngày 06 tháng hai năm 1974			
Nơi sinh	37 Đường Hùng Vương			
Khai về cha, mẹ	CHA	MẸ		
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	NGUYỄN TÀI LỘC	NGUYỄN NGỌC KHÁNH		
Dân tộc				
Quốc tịch				
Nghề nghiệp				
Nơi ĐKKK thường trú				
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKKK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đăng khai				

NHẬN THIỆT SAU Y BẢN CHÍNH

Ngày 10 tháng 02 năm 1974

Đã ký ngày 12 tháng 12 năm 1974

(Ký tên đóng dấu ghi rõ chức vụ)

TM/UBND

Ký tên đóng dấu



VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

THẺ CÁN-CƯỚC

Số 1111111111

Họ Tên NGUYỄN-TẤN-PHÁT

Ngày, nơi sinh 15-10-1959 Saigon

Cha Nguyễn-Tấn-Lực

Mẹ Nguyễn-Ngọc-Oanh

Địa chỉ 1/21 Triều-Phà, SAIGON (K-9, 10-4, Hong-Bang)



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số 022328250

Họ tên NGUYỄN TẤN LỰC

Sinh ngày 17-10-1934

Nguyên quán Quận 5
TP. Hồ Chí Minh

Nơi thường trú 1/21 Ngõ Quyền
K1205, TP. Hồ Chí Minh



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số 020829969

Họ tên NGUYỄN NGỌC OANH

Sinh ngày 1-8-1930

Nguyên quán Sơn Trè.

Nơi thường trú 1/21 Ngõ Quyền,
TP. Hồ Chí Minh.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số 020829970

Họ tên NGUYỄN THỊ KIM CHI

Sinh ngày 25-12-1960

Nguyên quán Quận 5,
TP. Hồ Chí Minh.

Nơi thường trú 1/21 Ngõ Quyền,
TP. Hồ Chí Minh.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số 020904100

Họ tên NGUYỄN THỊ PHƯỢNG

LOAN

Sinh ngày 28-3-1963

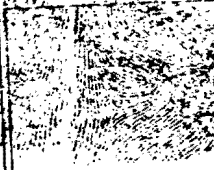
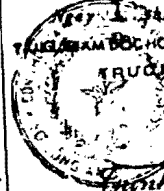
Nguyên quán Quận 6,
TP. Hồ Chí Minh.

Nơi thường trú 1/21 Ngõ Quyền,
TP. Hồ Chí Minh.

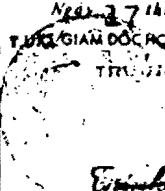
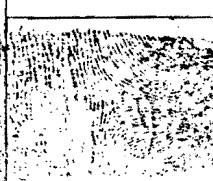


Dân tộc: Kinh		Tôn giáo: Thiên chúa	
		DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH	
		Nốt ruồi nổi cách 2cm dưới trước đầu mũi trái Ngày 28 tháng 11 năm 1987 T. GIÁM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN  <i>Chanh</i> <i>Vũ Văn Chanh</i>	
		NGON TRÁI NGON TRÁI PHẢI	

Dấu vết riêng: 3 ngón không nốt trái.	Cao: 1m 61	 
	Nặng: 50 Kg	
Chức vụ đương sự:	Ngày 20-02-1971 T. GIÁM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN Chi-ty-Pho 6577-Quận Nam	
PHẦN V. AN-THỰC		

Dân tộc: Kinh		Tôn giáo: không	
		DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH	
		Sọc tròn 0,4cm cách 3,5cm dưới sau mũi trái. Ngày 1 tháng 4 năm 1979 T. GIÁM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN TRƯỜNG PHÒNG CSI  <i>Trần Văn Tấn</i>	
		NGON TRÁI NGON TRÁI PHẢI	

Dân tộc: Kinh		Tôn giáo: không	
		DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH	
		Sọc tròn 0,3cm cách 3,5cm sau cạnh mũi trái. Ngày 17 tháng 4 năm 1979 T. GIÁM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN TRƯỜNG PHÒNG CSI  <i>Trần Văn Tấn</i>	
		NGON TRÁI NGON TRÁI PHẢI	

Dân tộc: Kinh		Tôn giáo: không	
		DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH	
		Sọc chấm cách 3cm trên sau đầu, mũi trái. Ngày 17 tháng 4 năm 1979 T. GIÁM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN TRƯỜNG PHÒNG CSI  <i>Trần Văn Tấn</i>	
		NGON TRÁI NGON TRÁI PHẢI	

Số : 17/YD-10-1-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11-1-1981

11-1-1981

ĐƠN TUYÊN SINH VÀO CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC TP. HỒ CHÍ MINH

- Căn cứ quyết định số 25/DT-1, ngày 12-11-1977 của Bộ Y tế quy định thi tuyển và tuyển sinh, và tổ chức bộ máy các trường đại học y dược Thành phố Hồ Chí Minh
- Căn cứ qui chế tuyển sinh đã ban hành về nguyên tắc thi tuyển sinh vào các trường đại học y dược hàng năm của Bộ Y tế và THCH TP. Hồ Chí Minh
- Căn cứ qui chế khen thưởng kỷ luật của Bộ Y tế và THCH TP. Hồ Chí Minh
- Căn cứ giấy xác nhận của chính quyền địa phương về nhân dân (Nguyễn Tấn Lựchinh đang còn học tập cải tạo, là cha của học sinh (Nguyễn Thị-Phượng-Loan sinh ngày 28-03-1960 quê : Long An, học lớp được cấp khoa dược trường Đại học Y dược TP. Hồ Chí Minh
- Xét thời sự học sinh có ý khai man lý lịch sử thi vào đại học
- Xét điểm đầu của học sinh (Nguyễn-Thị-Phượng-Loan được qui định năm học 1981-1982 chưa đạt điểm đầu theo qui định của Bộ Y tế và THCH TP. Hồ Chí Minh
- Theo đề nghị của khoa Dược và ông trưởng phòng quản lý học sinh

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1.- Ủy Ban tuyển sinh và địa phương quản lý học sinh (Nguyễn

Thị-Phượng-Loan sinh ngày 28-03-1960 quê Long An số :

91/L10-1 vì khai man lý lịch và không đủ điểm đầu vào học tại khoa dược trường Đại học Y dược TP. Hồ Chí Minh

Điều 2.- Chị Nguyễn-Thị-Phượng-Loan phải bồi hoàn mọi tổn phí đào tạo suốt học (t) của học từ năm 1981 đến 1982 cho Trường với số tiền là năm ngàn đồng (50000,00 đồng)

Điều 3.- Các ông Trưởng phòng Cảnh Sát Tổng hợp, Quản lý học sinh, Tổ chức y tế, Giáo vụ, Tài vụ, Quản trị, Khoa Dược và học sinh (Nguyễn-Thị-Phượng-Loan có trách nhiệm thi hành quyết định này

Nơi nhận :
Bộ Y tế để báo cáo
Bộ Đại học để báo cáo
Công an thành phố
Khu điều 3
Lưu



GS. Nguyễn Văn Khoa

A. Basic Identification data:

1. Name: NGUYEN-THE-THO
2. Other name: None
3. Date/ place of birth: 17-10-1964 Saigon
4. Address: 1/21 Ngã-Quận Q.5 Ho-Chi-Minh City
5. Mailing address: Ditto
6. Current occupation: Audio (motion picture)

B. Relatives to Accompany me.

No.	Name	Date of birth	Place of birth	Sex	D.O.B.	Relationship
1	NGUYEN-THI-THO	3-5-1935	Hiep-Hoa	Female	17-10-1964	Mother
2	NGUYEN-THI-THO	1-1-1965	Ben-Tre	Male	1-1-1965	Wife
3	NGUYEN-THI-THO	14-10-1965	Saigon	Male	14-10-1965	Son
4	NGUYEN-THI-THO	1-1-1966	-	Female	1-1-1966	Daughter
5	NGUYEN-THI-THO	24-3-1963	-	Male	24-3-1963	-
6	NGUYEN-THI-THO	6-2-1974	-	Male	6-2-1974	-

C. Relatives outside Vietnam.

1. Closest relative in the U.S.: None
2. Closest relative in other Foreign Countries: None

D. Complete family listing (living/dead).

1. Father: NGUYEN-VAN-THO (Dead)
2. Mother: NGUYEN-THI-THO (1/1 (1919, Hiep-Hoa) 1/21 Ngã-Quận Q.5 Ho-Chi-Minh
3. Spouse: NGUYEN-THI-THO (1965, Ben-Tre)
4. Former spouse (if any): None
5. Children:
 - (1) NGUYEN-THI-THO (14-10-1965) 1/21 Ngã-Quận Q.5 Ho-Chi-Minh
 - (2) NGUYEN-THI-THO (2-12-1966) -
 - (3) NGUYEN-THI-THO (1-1-1966) -
 - (4) NGUYEN-THI-THO (6-2-1974) -

6. Sibling: None

E. Employment by U.S. Government Agency or Other U.S. organisations of your spouse.

None

F. Service with GVN or RVNAF by you or your spouse

1. Name of person serving: NGUYEN-THI-THO
2. Date from: 1-10-1975 To: 30-4-1976
3. Last rank: Major Serial number: 54/109.677.
4. Position, title, Military unit: Brd. Center Recruitment and to joint army.
5. Name of supervisor /O.L.: Lieutenant-Colonel Nguyen-Van-Cam.
6. Reason for leaving: Saigon was liberated (30-4-76)
7. Name of American Advisor: None
8. U.S. Training course in Vietnam: None
9. U.S. Awards or certificate: None

G. Training outside Vietnam of you or your spouse.

1. Name of student/ Trainee: NGUYEN-THI-THO
- School and school address: Intelligence School, Camp Lumbay, Philippines
2. Dates from August 1966 to Sept, 1968
4. Description of courses: Psy-Lar
5. Who paid for training? USARV

(Notes: Please attach copies of diplomas or order, if available
Available? Yes _____ No. 10 _____

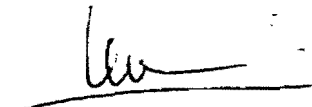
H. Re-education of you or your spouse.

1. Name of person in reeducation: NGUYEN-THI-THO
2. Total time in reeducation: 15 years and 3 months
3. Still in reeducation? Yes, No, No.

4. (If released, we must have a copy of your release certificate)

I. Any additional remark?

I request you give me I.O.I, I.V. and to go to I.O.

Signature: 

Date: April 15 1968

5. Please list here all documents to this questionnaire

attached:

- 1 questionnaire
- photocopy release certificate.
- marriage certificate
- 7 birth certificates for everyone

T.H

THAY ĐỔI CHỖ Ở CẢ HỘ

Chứng nhận đã chuyển đến ở : Từ ngày tháng năm Ký tên, đóng dấu	Chứng nhận đã chuyển đến ở : Từ ngày tháng năm Ký tên, đóng dấu
Chứng nhận đã chuyển đến ở : Từ ngày tháng năm Ký tên, đóng dấu	Chứng nhận đã chuyển đến ở : Từ ngày tháng năm Ký tên, đóng dấu

NHỮNG THAY ĐỔI KHÁC

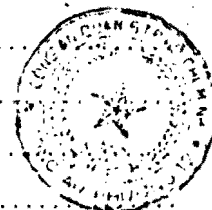
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN HỘ KHẨU THƯỜNG TRÚ

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số: ... 512901 ... CN

Họ và tên chủ hộ: ... Nguyễn Ngọc Thanh ...
 Ấp, ngõ, số nhà: ...
 Thị trấn, đường phố: ... Ngõ ...
 Xã, phường: ... Phường ...
 Huyện, quận: ... Năm ...



Ngày ... tháng ... năm ...
 P. Trưởng công an ...
 (Ký và đóng dấu, ghi rõ họ tên)



Số NK 3:

Phó Bí thư Nguyễn Hiệp Bình

NHỮNG NGƯỜI THƯỜNG TRÚ TRONG HỘ

[illegible]

CONTROL

☐ Card
☒ Doc. Request; Form 0115/89
☐ Release Order
☐ Computer
☐ Form "D"
☐ ODP/Date _____
☐ Membership; Letter

2
1